



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN - MINH - LE
Last Middle First
Current Address: Tổ 6 Ấp Lộ ngang Bình đức Chiêu Thành Giu Giang
South Viet nam
Date of Birth: December 7th 1943 Place of Birth: Co y ching village Ninh Binh
province North Viet nam
Previous Occupation (before 1975) - Captain, chief company
(Rank & Position) - Training weapon officer (officer)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May first 1975 To April 18th 1980
Years: Five years Months: 11 months Days: 17 days
3. SPONSOR'S NAME: THƯỜNG MINH NGUYEN Name
- LIÊN-TRUNG 1/58 ANTHUR ST MARRICK VILLE 2204 NSW AUSTRALIA
Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>THƯỜNG MINH NGUYEN</u>	<u>Brother</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on IIR Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: April 2th 1990

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN-MINH-LE
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. Huỳnh thị Duyên	1949	Wife
2. Nguyễn minh Đức	1971	son
3. Nguyễn thị minh Phương	1974	daughter
4. Nguyễn thị minh Tiên	1976	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Nguyễn minh Hiền giáo viên cấp 2 - hùsở
Phố Thôn Bình Đức B huyện Chưआ Thành
tỉnh Điện Biên South Vietnam.

ADDITIONAL INFORMATION : ①

I was V.N. Army officer trainer. Rank: captain, position: chief company.
I was in 24th classes Binh Đức officer. Date: from 30th November
1966 to April 30th 1975. Serial number: 63/140817. Unit: K54091
(4091). I was working in Quang Trung central training.
Commander: Brig. General Trần bá Di

I had VN awards:

- Huân vu Bội hinh
- Quân nhân Bội hinh
- Bông Khên cấp lữ đoàn

Certificated

- Bông Huân luyện viên
- Bông Công bố xây dựng
nặng thàn
- Bông Riêng mi sinh

Please see number ② in page 2 Nationality: ^{lấy}Việt nam. Religion: catholic

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN - MINH - LÊ
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 12 - 7 - 1943 Gongdinh village, Hinhbinh province North
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam) Vietnam

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): no
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : Tổ 6 ấp Lô ngung Bình đức Châu thành Biên giang
 (Dia chi tai Viet-Nam) South Việt nam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) YES No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1981

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại tù số đoàn 8 thuộc quân khu 9
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): HÀN CHÍ (Gỗ hân thiếc)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): No
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): CAPTAIN
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): CHIEF COMPANY
February 13th 1975 Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): YES 259946
 IV Number (So ho so): forget number
 No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): FOUR PERSONS
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi :

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Tổ 6 ấp Lô ngung Bình đức
Châu thành Biên giang South Việt nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
 - THƯỢNG MINH NGUYỄN
 - LIÊN - TRUNG 1/58 ANTHUR ST MARRICK VILLE 2204 NSW AUSTRALIA

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): YES No (Khong): No

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): NO

NAME & SIGNATURE: NGUYỄN - MINH - LÊ Minle
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYỄN MINH LÊ Minle
Tổ 6 ấp Lô ngung Bình đức Châu thành Biên giang South VN

DATE: April 2th 1990
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN MINH LE
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. <u>Hùng Thị Duyên</u>	<u>1949</u>	<u>Wife</u>
2. <u>Nguyễn Minh Đức</u>	<u>1971</u>	<u>son</u>
3. <u>Nguyễn Thị Minh Phương</u>	<u>1974</u>	<u>daughter</u>
4. <u>Nguyễn Thị Minh Hiền</u>	<u>1976</u>	<u>daughter</u>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Nguyễn Minh Hiền giáo viên cấp 2 trường
Phổ thông Bình Đức B, huyện Châu Thành
tỉnh Tiền Giang South Viet Nam.

ADDITIONAL INFORMATION : ②

Based on the authority of the organization and the spirit of humanitarian act and dice to my difficult situation. I wish to request your approval assistance and your intercession with the government of the organization and immigrated to the USA.

Hoping for your consideration and my family to be saved from your situation by activity. /

I remain
Respectfully yours

Mille
Lê Minh Nguyễn

FROM: NGUYEN MINH-LE TO G AP LONANG
XA BINH DUC HUYEN CHAU THANH
TINH TIEN GIANG SOUTH VIETNAM

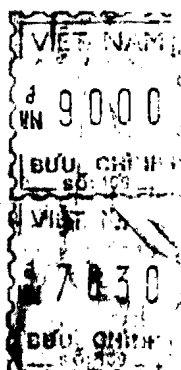
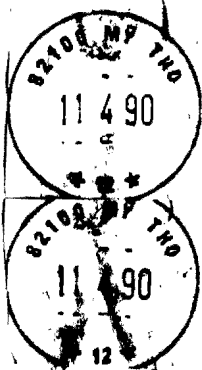
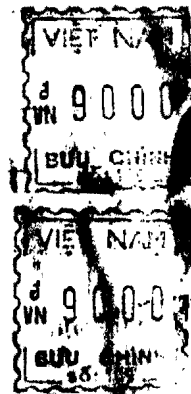
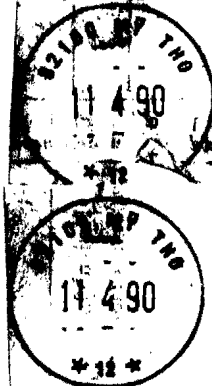
120g.
34830



APR 27 1970

TO: KHUC MINH-THU
P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE 703.560-0058 USA.

PAR 1



Nonius North 12

7-12-1943

2 Jan 1946

Norjón Hov. Arkel Plavitz

26-1-1974.

2 tam hinh 4x6

Norjón Hov. Minh Tron

11-11-1976

2 tam hinh 4x6

Huyón Hov. Arjón

1949

2 tam hinh 4x6

Norjón Hov. Arjón

26-10-71

2 tam hinh 4x6



Nguyễn Minh Lễ
7-12-1943



Thị Ngọc
1949



Nguyễn Minh Trí
26-10-71



Nguyễn Thị Minh Trí
11-11-1976



Nguyễn Thị Minh Trí
26-1-1974

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

SO: 44-106-44-1-1

Haverhill, Mass., Nov. 11, 1914.

Shanghai

Nguyễn Quốc Long - Liên

Case Study: Plan Change

Nơi thương trú: Long An

Cai Lay, Phan-Giang.

Xã Nhân Sơn y ban chấp
hàng 3 40

Coaril

[Handwritten signature]

Dân tộc:		Kinh		Tôn giáo:		Thiên chúa	
		NGON TRỐT TẠI		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH			
				Nốt ruồi C.1cmsau mép phải.			
		NGON TRỐT TẠI		Ngày 29 tháng 10 năm 1981 KẾ GIẢM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN PHO TRƯỞNG TY  			

BỘ TƯ LÍNH QUÂN KHU 9

Thực hiện chính sách khoan hồng của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với những sỹ quan, hạ sỹ quan, binh lính nguy quân và nhân viên nguy quyền.

Xét tình thân học tập, công tác của Nguyễn Minh Lễ nguyên là Đại úy nguy quân trước thời gian qua tỏ ra biết

đu mìn hối cải và có hình thức phấn đấu để trở thành người có ích cho đất nước.

Xét đơn xin báo lãnh của Tha: Nguyễn Minh Luân Ch. áp Tha Đức đối với sỹ quan nguy có ăn nói trần Là Phước Đức, Thy đầu Tha Tỉnh Tiền giang

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 Cho Nguyễn Minh Lễ nguyên là Đại úy nguy quân được tạm ngừng quân huấn tập trung và cho phép được trở về nhà làm ăn.

Điều 2 Khi trở về địa phương hoặc tiếp tục làm việc ở các ngành chuyên môn Nguyễn Minh Lễ phải chấp hành tốt mọi quy định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị mình làm việc. Thời gian quản chế là một năm. Sau thời gian đó nếu được chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị làm việc xác nhận là tiến bộ và được chính quyền sở tại đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.

Điều 3 Phòng quân huấn Quân khu, Trại quân huấn Sĩ đoàn 8 và đương sự chiếu quyết định thi hành.

Ngày 20 tháng 10 năm 1977

TUQU: BỘ TƯ LÍNH QUÂN KHU 9

Không được về ở thành phố, thị xã vùng biên giới và vùng xung yếu. Trong thời gian quản chế ở đâu do chánh quyền địa phương quyết định

CHỮ CHỮ

Đây đây không có giá trị di dưong.

Trong thời gian quản chế, việc quy định bao nhiêu ngày trình diện 1 lần là do chính quyền địa phương xã, phường, quy định.

QUYẾT ĐỊNH NÀY, LÀM THÀNH 4 BẢN

1 - Phòng quân huấn Quân khu.

1 - Trại quân huấn

1 - Ủy ban nhân dân xã, phường, cơ quan.

1 - Đường 9.

Xác nhận báo cáo y ban chính

20/3/77



Signature

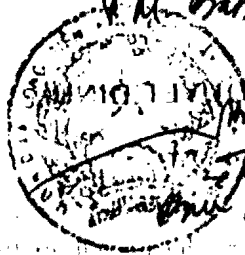
1/1

Chứng thật

Trường học có đến thăm diel
tại Ban công an xã Long Giang
và về qua tại ấp 9 giới thiệu
anh về ấp 9 báo nhân khẩu cho
gia đình

Long Giang ngày 20/01/1988

T.M Ban C.A.N.D xã



Quản - Hiệp

20/01/88

Đã tiếp nhận và chuyển giao
các giấy tờ liên quan đến việc
đăng ký hộ khẩu tại ấp 9
và đã báo cáo về Ban C.A.N.D xã

TY CÔNG A TỈNH GIA LUY CÔNG HOA HAI CẤP CÔNG TIA VIET
CÔNG A TIA CAI LUY Độc Lập-Tự Do-Anh Phuc
SỐ 69 / 08

QUYẾT ĐỊNH

TRẢ QUẢN CÔNG DÂN CÔNG SỞ A TIA VIET
ĐỘC LẬP TỰ DO ANH PHUC
A TIA VIET

Họ và tên NGUYỄN MINH LÊ

Ngày sinh 1948

Sinh quán Đồng Thỉnh Ninh Bình

Nơi ở Đoàn 9 xã Đông Yên huyện Cai Lậy T. B

Nơi và nơi cư trú

Nơi hoạt động

Nơi và nơi trình diện đợt I

Nơi và nơi trình diện đợt II

Nơi nộp vũ khí

Thời gian và nơi học tập đợt I

Thời gian và nơi học tập đợt II

Ngày được trả quyền công dân ngày 18 tháng 04 năm 1981

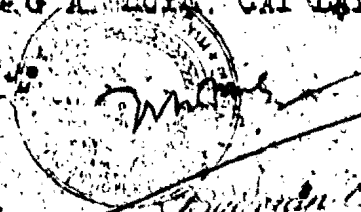
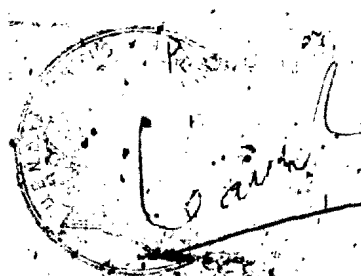
Nơi được tham gia mọi quyền lợi của công dân

Dấu vết riêng:

Chú ý Giấy không được nơi khác sử dụng làm cáo
giấy lệ không có giá trị.

Xác nhận sao y
bản chính

(Cai Lậy; ngày 18 tháng 04 năm 1981)
PHÓ CÔNG A TIA CAI LUY



Chức vụ
25/10/85

DANH SÁCH NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ
NĂM 1985

Số TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh	Nghề nghiệp	Liên hệ gia đình
1	Nguyễn Minh Lễ	1943	Sửa xe đạp	chủ hộ
2	Hoàng Thị Duyên	1949	Làm vườn	uò
3	Nguyễn Minh Đức	1971	Học sinh	con
4	Nguyễn Thị Minh Phương	1974	Học sinh	con
5	Nguyễn Thị Minh Hiền	1976	Học sinh	con

CHỦ HỘ
Minh Lễ

Nguyễn Minh Lễ
xác nhận sao
bản chính

Ngày 05 tháng 11 năm 85 / Ngày 05 tháng 11 năm 85
PO Công An xã
(Ký tên và đóng dấu)

TM UBND xã
K. Cho D. S.
P. Cho D. S.

[Handwritten signature and stamp]

[Handwritten signature and stamp]

[Handwritten signature and stamp]

ĐIỀU CHỈNH NHÂN KHẨU

- TỔNG SỐ NHÂN KHẨU
- TRÊN 15 TUỔI : Nam
- DƯỚI 15 TUỔI : Nam

05 (Lam) NGƯỜI

01 Nữ : 01

01 Nữ : 02

Bình định

5/11/1985

M. M. L.

ĐIỀU CHỈNH NHÂN KHẨU

- TỔNG SỐ NHÂN KHẨU
- TRÊN 15 TUỔI : NAM
- DƯỚI 15 TUỔI : NAM

NGƯỜI

Nữ

Nữ

ngày

ĐIỀU CHỈNH NHÂN KHẨU

- TỔNG SỐ NHÂN KHẨU
- TRÊN 15 TUỔI : Nam
- DƯỚI 15 TUỔI : Nam

NGƯỜI

Nữ

Nữ

ngày



Xã, Thị trấn: Bình Đức

Thị xã, Quận: Châu Thành

Thành phố, Tỉnh: Biên Giang

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 10

Quyển số 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	NGUYỄN - MINH - LÊ Không có	NGUYỄN - THỊ - DUYỀN Không có
Sinh ngày, tháng, năm hay tuổi	7 - 12 - 1943	1949
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam
Nghề nghiệp	Buôn bán	Buôn bán
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	Ấp chợ xã Bình Đức huyện Châu Thành tỉnh Biên Giang	Ấp chợ xã Bình Đức huyện Châu Thành tỉnh Biên Giang
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	310 644 818	310 383 405

TP. 489/77 - 977.000

Đăng ký, ngày 20 tháng 02 năm 1990

TM / UBND _____ Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Người chồng ký

Người vợ ký

Minh Lê

Duyên

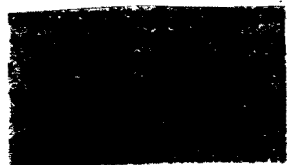
NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 02 năm 1990

TM / UBND _____ Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Phan Thị Thu - Giang



SƠ YẾU LÝ LỊCH

I- SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên thật: NGUYỄN - MINH - LÊ
Tên thường gọi: LÊ
Bi danh (nếu có): Không có
Ngày tháng và nơi sinh: 7-12-1943 Làng Bông chính thôn Hinh bình
Quê quán: Gõ 6 xã Lộ nam và Bình Đức chi xã thành Bình Giang
Chỗ ở trước ngày 30-4-1975: Giai gia đình TTH4 Quảng Trùng
Chỗ ở hiện nay: Tổ 6 xã Lộ nam và Bình Đức chi xã thành Bình Giang
Dân tộc: Xinh Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không có tôn giáo
Nghề nghiệp: Hàn thếp trình độ chuyên môn kỹ thuật: gõ hàn
Thành phần gia đình: không đơn
Thành phần bản thân: lưu niên
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ ngoại ngữ, biết đọc, nói tiếng nước ngoài? Biết đọc và viết Anh - Pháp ngữ
Ngày tham gia Cách mạng: Không
Ngày vào Đoàn thể Cách mạng do ai giới thiệu ghi rõ tên chức vụ hiện nay ở đâu? Không

- Sức khỏe có bệnh tật gì hoặc bị thương tích gì? Sức khỏe bình thường
Hiện nay làm gì cấp bậc, chức vụ, nơi làm việc: Hàn thếp, sửa xe đạp ở ngõ 12 Bình Đức huyện Châu Thành tỉnh Bình Giang

II- ĐOÀN CẢNH GIA ĐÌNH

1- Ông nội, Bà nội, Bố, Mẹ, Anh Chị Em ruột:

Trước Cách mạng tháng 8-1945 ở đâu, sau hòa bình 1954 ở đâu, trước ngày giải phóng 30-4-1975 ở đâu, kể rõ họ tên, tuổi từng người theo thứ tự đã làm gì cho Cách mạng, cho chế độ cũ chức vụ và cấp bậc, nói rõ thời gian làm việc gì ghi rõ hiện nay làm gì và ở đâu?

- Ông nội: Nguyễn Văn Nghĩa 85 tuổi (c) chết ngày 17-5-1959, chết vì bệnh gia
Bà nội: Trần Thị Xuân 80 tuổi (c) chết ngày 20-8-1954, chết vì bệnh gia
Chị: Nguyễn Minh Luân 67 tuổi (c) chết ngày 9-5-1977, chết vì bệnh bạo tử
Mẹ: Phạm Thị Ngọc 70 tuổi (c) chết ngày 28/11/1986 chết vì bệnh bạo tử

1- Chú, Bác, Có ruột:

Nói rõ họ tên tuổi quê quán, làm gì cho Cách mạng, cho chế độ cũ thời gian, chức vụ và cấp bậc đến bao giờ, nay làm gì ở đâu?

Chú ruột: Nguyễn Văn Lý 67 tuổi (c) chết ngày 15-6-1984, chết vì bệnh già.

Bác ruột: Nguyễn Văn Nghi 70 tuổi (c) chết ngày 20-6-1974, chết vì bệnh lao tử.

Cả ruột: Không có

3- Bên Ngoại, Ông Bà Cậu Mợ:

Cũng nói rõ như điểm 1 và 2 mục II

Ông ngoại: Phạm Văn Hỷ 75 tuổi (c) chết ngày 15-6-1960, chết vì bệnh tim.

Bà ngoại: Nguyễn Thị Xuân 70 tuổi (c) chết ngày 1-9-1961, chết vì bệnh già.

Cậu: Không có

Đi: Không có

4- Bố mẹ vợ hoặc chồng:

Cũng nói rõ như điểm 1 và 2 mục II

Cha vợ: Trần Văn Inh 67 tuổi (c) chết ngày 13-4-1979.

Mẹ vợ: Nguyễn Thị Bảy 69 tuổi (c) qua đời ở ấp 9 xã Long Tân Cầu Lộ Giảng.

5- Bản thân:

a) Họ và tên vợ tuổi quê quán và làm gì, cũng nói rõ như điểm 1 và 2 mục II

Vợ: Trần Thị Duyên sinh năm 1949 buôn bán ở xã Bình Thước huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

b) Liệt kê tên tuổi của từng người con và làm gì ở đâu?

Con 1: Nguyễn Minh Đức sinh năm 1971 học sinh lớp 12 trường học Nguyễn Đình Chiểu Tiền Giang.

Con 2: Nguyễn Thị Minh Phương sinh năm 1974 học sinh lớp 11 trường Nguyễn Công Trứ tỉnh Tiền Giang.

Con 3: Nguyễn Thị Minh Giem sinh năm 1976 học lớp 9 trường cấp 2 Bình Đức.

Anh chị em ruột.

Chị ruột: Nguyễn Thị Thảo sinh năm 1934
làm vườn ở Lâm Đông, không
vết sẹo nào.

Anh ruột: Nguyễn Minh Thuận sinh năm
1940, hiện sống ở nước ngoài.

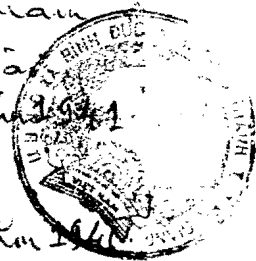
Anh ruột: Nguyễn Minh Thế sinh năm 1941
hiện sống ở nước ngoài.

Em ruột: Nguyễn Thị Liên sinh năm 1944
làm vườn tại xã Bình Đức thôn
Thạnh Tiến gần sinh năm

Em ruột: Nguyễn Minh Quân v 1950
hiện mua xe đạp ở huyện Bình Đức

Em ruột: Nguyễn Minh Hiền sinh năm
1952, giáo viên cấp 2 tại
Trường Bình Đức B

Em ruột: Nguyễn Thị Minh Nguyệt
sinh năm 1954, giáo viên
cấp 1 trường Bình Đức B.



e) Quá trình hoạt động của bản thân.

Kể từ nhỏ đến lớn được đi học tập trường nào ai dạy kể từ năm học đã tham gia công tác Cách mạng làm gì ở đâu thời gian nào đến thời gian nào, cấp bậc và chức vụ cùng với ai nay làm gì ở đâu?

1951 - 1965 học sinh học từ cấp 1 đến hết cấp 3 ở tỉnh Giếng nước
chợ trường Bình định và trường Bình Định
30-11-1966 học sinh 220 ST Anam Cao Đức
31-8-1967 → 1-3-1969 đi bộ về tỉnh Kien Phuc Long
lên lớp 12 và đến đơn vị quân và công tác chuyên vụ
18 tháng 1 năm 1970 ở tỉnh Kien Phuc Long
1-3-1970 → 25-6-1971 đi về T-41/ Wpua Anam Cao Đức
được giữ chức Huân chương Việt Nam
cấp Trung úy 25-6-1971 → 30-4-1974 đi về T-41/ Wpua Anam Cao Đức
chức Hào 16 30-4-74 → 28-4-1975 tại đơn vị
tiền đơn Mĩ Kien Phuc T-41/ Wpua Anam Cao Đức
cấp Đại úy giữ chức và đến 1-5-1975 → 15-1-78 ở tại đơn vị
tốt nhất tại đơn vị

Nếu có bị dặt liên lạc nói rõ lý do và hoàn cảnh nào bạo giờ liên lạc được và làm gì?

16-1-1978 → 18-4-1981 bị quân phục tại đơn vị Long Tân

Cai lập Giếng nước

1-8-1981 → 1990 ở tại và Bình định và nghỉ hưu về đây

Nếu có trường hợp bị địch bắt cũng khai rõ ràng ngày tháng bị địch bắt giam giữ ở đâu và ngày được thả lý do (trả tự do).

Không

Nếu làm việc cho chế độ cũ thì nói rõ thời gian làm việc cấp bậc chức vụ từng thời gian (năm) nơi làm việc và chuyển qua những đơn đến bao giờ (kể cả làm việc cho cơ sở, cơ quan nước ngoài, các công ty hãng xưởng xí nghiệp (nếu có).

31-8-1967 → 28-4-1975 tham gia chức
Đã cũ, xin xem ở phần (c), quá trình hoạt động
của bản thân.

Nếu có bị địch bắt cũng ghi hoặc Cách mạng bắt giữ cũng ghi rõ thời gian địa điểm và được về các việc đều ghi rõ ai biết nay làm gì ở đâu? Đến ngày giải phóng 30-4-1975 đã trình diện học tập cải tạo được phục hồi quyền công dân v.v...

Không bị Cách mạng bắt giữ

21/5/1975 trình diện đơn vị tại đơn vị Ban Quản
nhà thờ Sao Mai, thành phố Hồ Chí Minh

1-6-1975 được học tập cải tạo tại trại cải tạo
số đơn 8

16-1-1978 → 18-4-1981 quân phục tại đơn vị Long
-liên Cai lập Giếng nước

18-4-1981 được trả quyền công dân



Đều có tham gia đảng phái chính trị của chế độ cũ cũng ghi rõ chức vụ và thời gian.

Không

Ngoài ra có những việc gì xét thấy cần khai cho rõ ví dụ: Đi học các lớp huấn luyện ở cả nước ngoài (lớp do Cách mạng mở hay do chế độ cũ mở).

Không

Quá trình hoạt động đã được khen thưởng kỷ luật đều ghi rõ thời gian cấp bậc khen và hình thức khen và kỷ luật.

1-6-1972: được cấp bằng thưởng lực cấp Lữ đoàn

1-7-1973: được cấp bằng thưởng lực cấp Sư đoàn

Hàng tháng: - 1 Huân và bội thiel

Kỷ luật: - 1 Quân lệnh cấp tỉnh

Biện pháp bắt buộc: ngày trong năm lý do: một hai tháng nghỉ phép.

Đàn hệ bạn bè nói rõ họ tên ở đâu làm gì?

Tôi có một người bạn học cũ tên Nguyễn Ngọc Linh

ở tại ấp Tân Thuận làm nghề dệt chiếu thêu và

Bình được cháu thanh đến giao

TỰ NHẬN XÉT - NGUYỄN VONG VÀ CAM ĐOAN:

Tôi luôn luôn tin tưởng vào chính quyền Cách mạng

Cam đoan những lời khai báo là sự thật nếu có gì

sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Dương 2 tháng 4 năm 1990

NGƯỜI KHI KÝ TÊN

CHỨNG NHẬN:

(Chức danh quyền địa phương)

- Ông Hồ Văn Việt và gia đình có mặt?
- Ông Hồ Văn Việt, xã hội hiện nay chấp
- đón tiếp ở địa phương?

Minh

Nguyễn Minh Lê

Ngày viết: 03/04/90

NĐ 04 XV



Nguyễn Văn Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường.....Long Tiêm

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....448

Huyện, Quận.....Cai Lậy

Quyển số.....01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

NGUYỄN - THỊ - MINH TIÊN

Nam hay nữ nữ

Ngày, tháng, năm sinh ngày mười một, tháng mười một, năm
một ngàn chín trăm bảy mươi sáu

Nơi sinh xã Long Tiêm, huyện Cai Lậy, Tiền Giang

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Thị Minh Lợi Duyên</u>	<u>Nguyễn Minh Lễ</u>
Tuổi	<u>sinh năm 1949</u>	<u>sinh năm 1943</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>ấp chín, Long Tiêm</u>	<u>ấp chín, Long Tiêm</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Minh Lễ, sinh năm 1943, ấp chín, xã Long Tiêm
huyện Cai Lậy, Tiền Giang.

Đăng ký ngày 23 tháng 05 năm 1980

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN xã Long Tiêm

Người đứng khai

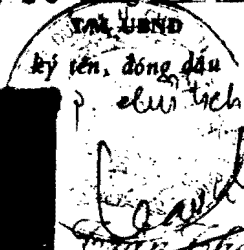
Minh Lễ

Nguyễn Minh Lễ

Nguyễn Quang
(Ký tên và đóng dấu)

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 06 tháng 02 năm 1990



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường... Bình Đức

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....09.....

Huyện, Quận... Châu Thành

Quyển số...02.....

Biển Giang



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Nguyễn Minh Lễ

Nam hay nữ... nam

Ngày, tháng, năm sinh

7 - 12 - 1943

Nơi sinh

làng Bông chĩnh huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Bình

Dân tộc

Xinh

Quốc tịch

Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Phạm Thị Hợp (c)</u>	<u>Nguyễn Minh Sơn (c)</u>
Tuổi	<u>sinh năm 1914</u>	<u>sinh năm 1910</u>
Dân tộc	<u>Xinh</u>	<u>Xinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Đồn điền</u>	<u>Đồn điền</u>
Nơi thường trú	<u>ấp chò Bình Đức</u> <u>Châu Thành Biển Giang</u>	<u>ấp chò Bình Đức</u> <u>Châu Thành Biển Giang</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Minh Lễ sinh năm 1943 ấp chò Bình Đức
Châu Thành Biển Giang

Đăng ký ngày 12 tháng 02 năm 1990

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Minh Lễ

Nguyễn Minh Lễ

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 1 năm 1990

T/M UBND

Kiểm đóng dấu

P. Bình Đức

Phạm Thị Thu Nguyệt

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3.

Xã, phường... Long Tiên...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số..... 149..

Huyện, Quận... Cai Lậy...

Quyển số..... 01..



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ tên: Nguyễn Thị Minh Phương Nam hay nữ: gái
 Ngày, tháng, năm sinh: Ngày hai mươi sáu, tháng một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi tư.
 Nơi sinh: xã Đông Hưng Tân huyện Hóc Môn thành phố Hồ Chí Minh
 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

5/89 QĐ 261/QĐ - HT

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Duyên</u>	<u>Nguyễn Minh Lê</u>
Tuổi	<u>sinh năm 1949</u>	<u>sinh năm 1943</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>ấp chín, Long Tiên</u>	<u>ấp chín, Long Tiên</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Minh Lê, sinh năm 1943 ấp 9 xã Long Tiên
huyện Cai Lậy Giեն giang

Người đứng khai

Minh Lê
Nguyễn Minh Lê

Đăng ký ngày 12 tháng 06 năm 1978

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

xã Long Tiên huyện Cai Lậy Giեն giang

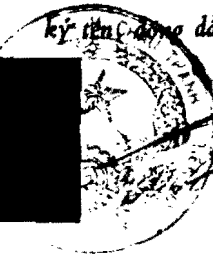
Nguyễn Quang

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 01 năm 1990

T/M UBND

Ký tên đóng dấu



Nguyễn Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường... Bình Đức

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số... 10

Huyện, Quận... Châu Thành

Quyển số... 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Huỳnh Thị Duyên

Nam hay nữ gái

Ngày, tháng, năm sinh sau năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín

Nơi sinh xã Long Trung huyện Cai Lậy tỉnh Bến Giang
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Huỳnh Thị Bảy</u>	<u>Huỳnh Văn Tnh</u>
Tuổi	<u>sinh năm 1916</u>	<u>sinh năm 1912</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Buôn bán</u>	<u>Buôn bán</u>
Nơi thường trú	<u>ấp chín xã Long Tiên huyện Cai Lậy Bến Giang</u>	<u>ấp chín xã Long Tiên huyện Cai Lậy Bến Giang</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Huỳnh Minh Lê sinh năm 1943 ở xã Bình Đức
Châu Thành Bến Giang

Đăng ký ngày 12 tháng 01 năm 1990
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Minh Lê

Huỳnh Minh Lê

Nguyễn Thị Thu Anh

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 1 năm 1990

T/M UBND



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường... Long Tiễn..

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số..... 147.....

Huyện, Quận... Cai Lậy..

Quyền số..... 01..



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Nguyễn Minh Đức Nam hay nữ trai

Ngày, tháng, năm sinh ngày hai mươi sáu, tháng mười, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một.

Nơi sinh xã Đông Hưng Tân huyện Hóc Môn thành phố Hồ Chí Minh

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Duyên</u>	<u>Nguyễn Minh Lễ</u>
Tuổi	<u>sinh năm 1949</u>	<u>sinh năm 1943</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>ấp chín, Long Tiễn</u>	<u>ấp chín, Long Tiễn</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Minh Lễ sinh năm 1943 ở 9, xã Long Tiễn huyện Cai Lậy, Tiền Giang

Đăng ký ngày 12 tháng 06 năm 1978

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

xã Long Tiễn huyện Cai Lậy, Tiền Giang

Người đứng khai

Minh

Nguyễn Minh Lễ

Nguyễn Quang

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 01 năm 1990

T/M UBND

Ký tên, đóng dấu



Nguyễn Thị Minh Đức



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN MINH LE
Last Middle First
Current Address: Tổ 6 ấp Lộ ương Bình đức chiến tranh Cần giang
South Viet nam
Date of Birth: December 7th 1943 Place of Birth: Gòu ching village Hinh binh
Province North Viet nam
Previous Occupation (before 1975) - captain, chief company
(Rank & Position) - training weapon officer
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May first 1975 To April 18th 1981
Years: Five years Months: 11 months Days: 17 days
3. SPONSOR'S NAME: THƯỜNG MINH NGUYỄN
Name
LIÊN - TRUNG 1/58 ANTHUR ST MARRICK VILLE 2204 NSW AUSTRALIA
Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>THƯỜNG MINH NGUYỄN</u>	<u>Brother</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on IIR Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: April 2th 1990

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

NGUYỄN MINH LÊ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. <u>Huỳnh thị Duyên</u>	<u>1949</u>	<u>wife</u>
2. <u>Nguyễn minh Đức</u>	<u>1971</u>	<u>son</u>
3. <u>Nguyễn thị minh Phương</u>	<u>1974</u>	<u>daughter</u>
4. <u>Nguyễn thị minh Hiền</u>	<u>1976</u>	<u>daughter</u>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Nguyễn minh Hiền giáo viên cấp 2 trường
Phổ thông Bình Đức B huyện Cần Thơ
tỉnh Cần Thơ South Vietnam

ADDITIONAL INFORMATION : ①

I was V.N. Army officer trainer. Rank: captain,
 position: chief company

I was in 24th classes Chu Đức officer. Date: November 30th 1966
 to April 30th 1975. Serial number: 63/140817. Unit: KBC 4091

I was working in Quang Trung central training.

Commander: Brig General Trần bá Di

I had VN awards:

- Huân vu bội tình
- Quân phòng bội tình
- Bằng khen cấp lữ đoàn

Certificated

- Bằng Huân huyện viên
- Bằng Cán bộ xây dựng nông thôn
- Bằng Rừng núi

Please see number ② in page 2. Nationality: Vietnam. Religion: catholic

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN - MINH - LÊ
Last (Ten họ) Middle (Giua) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 12 - 7 - 1943 Bong chine Village NINH BINH province North
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam) VN

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): married
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : TỔ 6 ẤP LỘ NGANG BÌNH ĐỨC CHÂU THÀNH GIÊN GIANG
(Dia chi tai Viet-Nam) South Viet nam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) YES No (Khong).
If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1981

PLACE OF PE-EDUCATION: Trại tù sư đoàn 8 thuộc quân khu 9
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiệp): HÀN CHÍ (GỖ HÀN THIẾC)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): NO
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): CAPTAIN (captain)
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): CHIEF COMPANY
February 13th 1975 Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): YES 259946
IV Number (So ho so): for get number
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): FOUR PERSONS
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi :

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): TỔ 6 ẤP LỘ NGANG BÌNH ĐỨC
Châu Thành Giեն giang South Viet nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Thượng MINH NGUYỄN
LIÊN TRUNG 1/58 ANTHUR ST MARRICK VILLE 2204 NSW AUSTRALIA

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): YES No (Khong): NO

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): NO

NAME & SIGNATURE: NGUYỄN-MINH-LÊ Minh Lê
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYỄN-MINH-LÊ Minh Lê
TỔ 6 ẤP LỘ NGANG BÌNH ĐỨC CHÂU THÀNH GIÊN GIANG South Viet nam

DATE: April 2th 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN - MINH - LÊ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. Huỳnh thị Duyên	1949	Wife
2. Nguyễn minh Đức	1971	son
3. Nguyễn thị minh Phương	1974	daughter
4. Nguyễn thị minh Hiền	1976	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Nguyễn minh Hiền giáo viên cấp 2 trường
Phổ thông Bình Đức B. huyện Châu Thành
tỉnh Tiền Giang South Viet nam

ADDITIONAL INFORMATION : ②

Based on the authority of the organization and the spirit of humanitarian act and due to my difficult situation I wish to request your approval assistance and your intercession with the government of the organization and immigrated to the USA.

Hoping for your consideration and my family to be saved from your situation by activity /

I remain
Respectfully yours

Minh
LÊ MINH NGUYỄN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **110** / **200** / **110**

Họ tên **NGUYỄN VĂN MINH**

Sinh ngày **15** / **05** / **1950**

Nguyên quán **Hồng Lân**
Cai Lậy, Tiền Giang

Nơi thường trú **Hồng Lân**
Cai Lậy, Tiền Giang

Xuất nhân sổ y bản charls
3 - 1990

P. CH. T. H.
h. CH.
Charls

Trần Văn Minh

BỘ TƯ LÍNH QUÂN KHU 9

Thực hiện chính sách khoan hồng của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với những sỹ quan, hạ sỹ quan, binh lính nguy quân và nhân viên nguy quân.

Xét tình thân học tập cá nhân của Nguyễn Minh Lễ
nguyên là Đại úy nguy quân, trong thời gian qua tỏ ra biết
đu nhân hối cải và có đúng phần đấu để trở thành người có ích cho đất nước.
Xét đơn xin báo tình của Tha: Nguyễn Minh Luân Chấp bút Đức
đầu của sỹ quan nguy có an nơi trên. Là Bình Đức, chấp bút
Thánh, Tỉnh Tiền Giang

QUYẾT ĐỊNH

Điểm 1 Cho Nguyễn Minh Lễ nguyên là Đại úy nguy quân được
tạm ngừng quân huấn tập trung và cho phép được trở về nhà làm ăn.

Điểm 2 Khi trở về địa phương hoặc tiếp tục làm việc ở các ngành chuyên môn
Nguyễn Minh Lễ phải chấp hành tốt mọi quy định về luật pháp
và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị mình làm
việc. Thời gian quản chế là một năm. Sau thời gian đó nếu được
chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị làm việc xác nhận là tiến bộ và được
chính quyền sở tại đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.

Điểm 3 Phòng quân huấn Quân khu, Trại quân huấn Sử đoàn 8
và đương sự chiểu quyết định thi hành.

Ngày 20 tháng 10 năm 1977

TUQ/ BỘ TƯ LÍNH QUÂN KHU 9

không được về ở thành phố, thị xã
vùng biên giới và vùng xung yếu.

Trong thời gian quản chế, ở đâu
đo chánh quyền địa phương quyết định

CHI CHI

- Giấy này không có giá trị di động.
- Trong thời gian quản chế, việc quy định
báo nhân ngày trình diện 1 lần là do chính
quyền địa phương xã, phường, quy định.

QUYẾT ĐỊNH NÀY, LÀM THÀNH 4 BẢN

- 1 - Phòng quân huấn Quân khu.
- 1 - Trại quân huấn
- 1 - Ủy ban nhân dân xã, phường, cơ quan.
- 1 - Đương sự.

Thánh
Xã Nhàn Sáo y Bais chais
9101
20-3-1977
CHỦ TỊCH
Loan

Đường Thật

Đường thật có thể đến được đích
tại bàn công an xã Long Việt
và về sau tại ấp 9 giới thiệu
anh trở về quê nhà nhân nhân cho
gia đình

Long Việt ngày 01/01/1988
T.H. Ban C.A.N.D. xã



Quản - Hiệp

Long

Đã tiếp nhận và chuyển giao
các tài liệu về việc này
cho Ban chấp hành xã
để tiếp tục nghiên cứu

Đã tiếp nhận và chuyển giao
các tài liệu về việc này
cho Ban chấp hành xã
để tiếp tục nghiên cứu

TỰ DO G A T L I A G C O I G H O A A M O I C A M G I A V I E T
C O I G A C A I L A Y D O C L A P T Y D O A N H H A U
S O 6 9 / 0 0 8 1

Q U Y H I T - D I C H

TR A Q U I N C O I G D A N C O S O A I L A Y
D U O C T H O I G I A Q U Y H I T C O C A P
A I N T O T

v a t e n N G U Y E N M I N H L E

S i n h n a m 1 9 4 8

S i n h q u a n D o n g T h i n h N i n h B i n h

S i n h q u a n D o n g T h i n h N i n h B i n h

S i n h v a n o i u i l i n h

S i n h h o a t d o n g

S i n h v a n o i t r i n h d i e n d o t I

S i n h v a n o i t r i n h d i e n d o t I I

S i n h n o p v u k h i

S i n h g i a n v a n o i h o c t a p d o t I

S i n h g i a n v a n o i h o c t a p d o t I I

S i n h v a n o i t r a q u y e n c o n g d a n n g a y 1 8 t h a n g 0 4 n a m 1 9 8 1

S i n h v a n o i t r a q u y e n l o i c u a c o n g d a n

S i n h v e t r i e n g

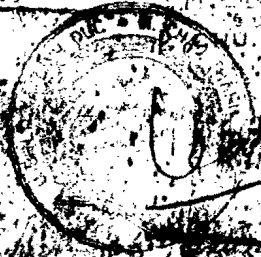
S i n h y g i a y k h o n g d o c n g o i k h a c s u d u n g l a n c a c

S i n h u n g u y b a n g b a n g g i a y k e k h o n g c o t a t r i

C h a n h

S i n h l a y : S a y 1 8 t h a n g 0 4 n a m 1 9 8 1

P h o C O G A T L I A C A I L A Y



Chức vụ
25/10/85

DANH SÁCH NHÂN VIÊN THƯỜNG TRƯỞNG
NĂM 1985

Số TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh	Nơi sinh	Hiện là
1	Nguyễn Minh Lễ	1943	Sinh ra ở	chủ hộ
2	Nguyễn Thị Duyên	1949	Làm việc	UB
3	Nguyễn Minh Đức	1971	Học sinh	con
4	Nguyễn Thị Minh Phương	1974	Học sinh	con
5	Nguyễn Thị Minh Hiền	1976	Học sinh	con

CHỦ HỘ
Minh Lễ

Ngày 05 tháng 11 năm 85 / Ngày 05 tháng 11 năm 85
PO Công An Xã
(Ký tên và đóng dấu)
TM UBND xã
P. Chủ tịch

Nguyễn Minh Lễ
xã Nhân Báo ở báo
chánh

[Handwritten signatures and stamps]

CHỦ TỊCH

[Signature]

ĐIỀU CHỈNH NHÂN KHẨU

- TỔNG SỐ NHÂN KHẨU: 05 (Lam) NGƯỜI

- TRÊN 15 TUỔI: Nam: 01 Nữ: 01

- DƯỚI 15 TUỔI: Nam: 01 Nữ: 02

Bình định 5/12/1985

[Handwritten signature and stamp]

ĐIỀU CHỈNH NHÂN KHẨU

- TỔNG SỐ NHÂN KHẨU: _____ NGƯỜI

- TRÊN 15 TUỔI: NAM: _____ Nữ: _____

- DƯỚI 15 TUỔI: NAM: _____ Nữ: _____

Ngày _____

ĐIỀU CHỈNH NHÂN KHẨU

- TỔNG SỐ NHÂN KHẨU: _____ NGƯỜI

- TRÊN 15 TUỔI: Nam: _____ Nữ: _____

- DƯỚI 15 TUỔI: Nam: _____ Nữ: _____

Ngày _____



Xã, Thị trấn: Bình Đức

Thị xã, Quận: Châu Thành

Thành phố, Tỉnh: Biên Giang

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 10

Quyển số 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bi danh	NGUYỄN - MINH - LÊ không có	HUỲNH THỊ - DUYÊN không có
Sinh ngày, tháng, năm hay tuổi	7 - 12 - 1943	1949
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt nam	Kinh Việt nam
Nghề nghiệp	Buôn bán	Buôn bán
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	ấp chợ xã Bình Đức huyện Châu Thành tỉnh Biên Giang	ấp chợ xã Bình Đức huyện Châu Thành tỉnh Biên Giang
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	310 644818	310 383405

Đăng ký, ngày 20 tháng 02 năm 1990

Người chồng ký

Người vợ ký

TM / UBND _____ Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Minh

Duyên

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 02 năm 1990

TM / UBND _____ Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Trần Thị Thu

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I- SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên thật NGUYỄN - MINH - LÊ
— Tên thường gọi LÊ
— Biệt danh (nếu có) Không có
— Ngày tháng và nơi sinh 7-12-1943 Làng Gông chum tỉnh Ninh Bình
— Quê quán Tổ 6 Ấp Lộ ngang xã Bình Đức Châu thành tỉnh Kiên Giang
— Chỗ ở trước ngày 30-4-1975 Trại gia đình TTH4/Quảng Trung
— Chỗ ở hiện nay Tổ 6 Ấp Lộ ngang xã Bình Đức Châu thành tỉnh Kiên Giang
— Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam Tôn giáo Thiên Chúa giáo
— Nghề nghiệp Hàn-thiết trình độ chuyên môn kỹ thuật gò hàn
— Thành phần gia đình nông dân
— Thành phần bản thân lạm dụng
— Trình độ văn hóa 12/12
— Trình độ ngoại ngữ, biết đọc, nói tiếng nước ngoài? Biết đọc và viết Anh - Pháp ngữ
— Ngày tham gia Cách mạng Không
— Ngày vào Đoàn thể Cách mạng do ai giới thiệu ghi rõ tên chức vụ hiện nay ở đâu? Không

— Sức khỏe có bệnh tật gì hoặc bị thương tích gì? Sức khỏe bình thường

— Hiện nay làm gì cấp bậc, chức vụ, nơi làm việc Hàn thiết sửa xe đạp ở Ngã tư Bình Đức huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang

II- HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH:

— Ông nội, Bà nội, Bố, Mẹ, Anh Chị Em ruột:

Trước Cách mạng tháng 8-1945 ở dân, sau hòa bình 1954 ở dân, trước ngày giải phóng 30-4-1975 ở dân kể rõ họ tên, tuổi từng người theo thứ tự đã làm gì cho Cách mạng, cho chế độ cũ chức vụ và cấp bậc, nói rõ thời gian làm việc gì ghi rõ hiện nay làm gì và ở đâu?

Ông nội Nguyễn Văn Nghĩa 85 tuổi (c) chết ngày 11-5-1959 chết vì bệnh già.

Bà nội Trần Thị Nhuận 80 tuổi (c) chết ngày 20-8-1954, chết vì bệnh già.

Chị Nguyễn Minh Luân 67 tuổi (c) chết ngày 9-5-1977, chết vì bệnh lao.

Mẹ Phạm Thị Hết 70 tuổi (c) chết ngày 28/11/1981 chết vì bệnh lao.

1 - Chú, Bác, Cô ruột:

Nói rõ họ tên tuổi quê quán, làm gì cho Cách mạng, cho chế độ cũ thời gian, chức vụ và cấp bậc đến bao giờ, nay làm gì ở đâu?

Chú ruột: Nguyễn Văn Lý 67 tuổi (c) chết ngày 15-6-1984, chết vì bệnh già

Bác ruột: Nguyễn Văn Nghi 70 tuổi (c) chết ngày 20-6-1974, chết vì bệnh bệnh

Cô ruột: Không có



3 - Bà Ngoại, Ông Bà Cậu Mợ:

Cũng nói rõ như điểm 1 và 2 mục II

Ông ngoại: Phạm Văn Thủy 75 tuổi (c) chết ngày 15-6-1960, chết vì bệnh tim

Bà ngoại: Nguyễn Thị Xuân 70 tuổi (c) chết ngày 1-9-1961, chết vì bệnh già

Cậu: Không có

Đi: Không có

4 - Bố mẹ vợ hoặc chồng:

Cũng nói rõ như điểm 1 và 2 mục II

Cha vợ: Trần Văn Tấn 67 tuổi (c) chết ngày 13-4-1979

Mẹ vợ: Nguyễn Thị Bảy 65 tuổi (c) qua đời ở ấp 9 xã Long Tiến Cai Lậy Tiền Giang



5 - Bản thân:

a) Họ và tên vợ tuổi quê quán và làm gì, cũng nói rõ như điểm 1 và 2 mục II

Vợ: Trần Thị Duyên sinh năm 1949, buôn bán ở xã Vĩnh Đức huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang

b) Liệt kê tên tuổi của từng người con và làm gì ở đâu?

Con 1: Nguyễn Minh Đức sinh năm 72 học sinh lớp 12 trường học Nguyễn Huệ Chiết tỉnh Tiền Giang

Con 2: Nguyễn Thị Minh Phương sinh năm 1974 học sinh lớp 11 trường Nguyễn Công Trứ tỉnh Tiền Giang

Con 3: Nguyễn Thị Minh Hiền sinh năm 1976 học lớp 9 trường cấp 2 Vĩnh Đức

Anh chị em ruột

Chị ruột : Nguyễn Thị Đào sinh năm 1934
lên năm ở Lâm Đồng, thò
vào số nhà.

Anh ruột : Nguyễn Minh Thanh sinh năm
1940, hiện sống ở nước ngoài.

Anh ruột : Nguyễn Minh Thế sinh năm
1941, hiện sống ở nước ngoài.

Em ruột : Nguyễn Thị Liên sinh năm
1941, lên năm tại
Bên Đức Châu thành tiên say

Em ruột : Nguyễn Minh Quân sinh năm
1950 hiện sống ở quê
Bên Đức

Em ruột : Nguyễn Minh Hiếu sinh năm
1952, giáo viên cấp 2 tại
trường Bên Đức B.

Em ruột : Nguyễn Thị Minh Nguyệt
sinh năm 1954, giáo viên cấp
1 trường Bên Đức B.

c) Quá trình hoạt động của bản thân.

Kể từ nhỏ đến lớn được đi học tập trường nào ai dạy kể từ năm học đã tham gia công tác Cách mạng làm gì ở đâu thời gian nào đến thời gian nào, cấp bậc và chức vụ cùng với ai nay làm gì ở đâu?

1951 - 1965 học vnh học từ cấp 1 đến hết cấp 3 ở
tỉnh Tiền Giang cai hướng Bình trí và Nguyễn Đức Thiệu
30-11-1966 học khóa 24 Sĩ Quan Quân Đức
31-8-1967 → 1-3-1969 dời về tiền khu Phước Long
làm thủ ký cho đơn Đoàn Võ với cấp bậc chuẩn úy
18 tháng sau thăng cấp thiếu úy
1-3-1969 → 25-6-1971 dời về TTHT/Quang Trung
Bình dương giữ chức huấn luyện viên. cuối cùng 1-3-1971 bị địch bắt
Nếu có bị địch bắt nói rõ lý do và hoàn cảnh nào bao giờ liên lạc được và làm gì
cấp Trung úy
25-6-1971 → 30-4-74 dời về TTHT/Quang Trung giữ chức
HLV
30-4-74 → 28-4-1975 đại đội trưởng ĐĐ / tiểu đoàn Mạo Khoa
thuộc TTHT/Quang Trung. 1-4-1975 bị địch bắt cấp đại úy, vẫn
giữ chức vụ trên
1-5-1975 - 15-1-78 học tập cải tạo tại trại cải tạo 12.000
16-1-1978 → 18-4-1981 bị quản thúc tại trại cải tạo
tỉnh Tiền Giang 1-8-1981 → 1990 ở tại xã Bình Đức với gia đình
Nếu có trường hợp bị địch bắt cũng khai rõ ràng ngày tháng bị địch bắt giam giữ
đâu và ngày được thả lý do (trả tự do).

Không

Nếu làm việc cho chế độ cũ thì nói rõ thời gian làm việc cấp bậc chức vụ từng thời
gian (năm) nơi làm việc và chuyển qua những đâu đến bao giờ (kể cả làm việc
cho cơ sở, cơ quan nước ngoài, các công ty hãng xưởng xí nghiệp (nếu có).

31-8-1967 → 28-4-1975 tham gia chế độ cũ
xin xem ở phần (c) quá trình hoạt động của
bản thân

Nếu có bị địch bắt cũng ghi hoặc Cách mạng bắt giữ cũng ghi rõ thời gian địa điểm
và được về các việc đều ghi rõ ai biết nay làm gì ở đâu? Đến ngày giải phóng 30-4-1975
đã trình diện học tập cải tạo được phục hồi quyền công dân v.v...

Không bị Cách mạng bắt giữ

2/5/1975 trình diện bản thân đến trại cải tạo
Quân Quan Ninh Thuận - Soc Trang. tham gia Hồ Chí Minh
1-6-1975 được học tập cải tạo tại trại cải tạo
số 8
16-1-1978 → 18-4-1981 quản thúc tại trại
Tiền Cai Lậy Tiền Giang
18-4-1981 được thả quyền công dân

Kếu có tham gia đảng phải chính trị của chế độ cũ cũng ghi rõ chức vụ và thời gian.

Không

Ngoài ra có những việc gì xé thấy cần khai cho rõ ví dụ: Đi học các lớp huấn luyện ở cả nước ngoài (lớp do Cách mạng mở hay do chế độ cũ mở).

Không

Qua trình hoạt động đã được khen thưởng kỷ luật đều ghi rõ thời gian cấp học khen và hình thức khen và kỷ luật.

1-6-72 được cấp bằng thưởng học cấp 11 đoàn

1-7-1973 được cấp bằng thưởng học cấp 11 đoàn

Huy chương: 1 Huân và 1 huy chương

1 Quân phong bội tinh

Kỷ luật

bi phạt tất cả kỷ luật trong cầm lý do xuất hiện không giấy lý

Quan hệ bạn bè nói rõ họ tên ở đâu làm gì?

Tôi có một người bạn học cũ tên Nguyễn Văn Linh

ở tại ấp Tân An huyện Bình An tỉnh Bình Định

Bình Định chuyên trách công tác



TỰ NHẬN XÉT - NGUYỄN VONG VÀ CAM ĐOAN:

Tôi luôn luôn tin tưởng vào chính quyền cách mạng
Cam đoan những lời khai trên là sự thật. Nếu có
gì sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Định 2 tháng 4 năm 1990

NGƯỜI KHAI KÝ TÊN

CHỨNG NHẬN:

(chính quyền địa phương)

Đã kiểm tra và xác minh tin tức có thật?

Đã kiểm tra chính trị, xã hội, nhân thân, đạo đức?

Đã kiểm tra 01 lần phải không?

Ngày: 03/04/90

Chữ ký

Mülle

Nguyễn Minh Lê



Nguyễn Văn Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN / CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã, phường.....Bình Đức
Huyện, Quận.....Châu Thành
Biên Giang
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số.....00
Quyển số.....01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Nguyễn Minh Lê

Nam hay nữ nam

Ngày, tháng, năm sinh 7 - 12 - 1943

Nơi sinh làng Bông chĩnh huyện Ngã Sơn tỉnh Bình Định
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Phạm Thị Hợp (c)</u>	<u>Nguyễn Minh Luân (c)</u>
Tuổi	<u>sinh năm 1914</u>	<u>sinh năm 1910</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Biên bản</u>	<u>Biên bản</u>
Nơi thường trú	<u>Ấp chò Bình Đức</u> <u>Châu Thành Biên Giang</u>	<u>Ấp chò Bình Đức</u> <u>Châu Thành Biên Giang</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Minh Lê sinh năm 1943 ấp chò Bình Đức
Châu Thành Biên Giang

Đăng ký ngày 12 tháng 02 năm 1990

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CT

Người đứng khai

Minh Lê

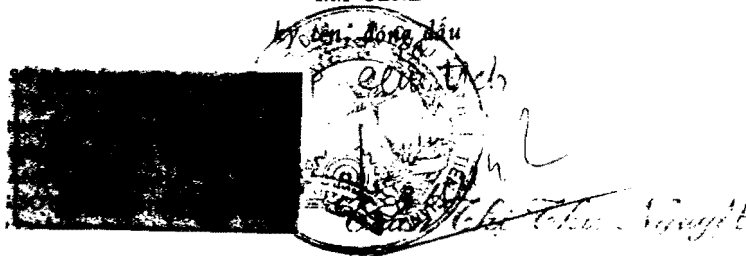
Nguyễn Minh Lê

Nguyễn Minh Luân

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 1 năm 1990

T/M UBND



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường... Long Tiên...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....149.....

Huyện, Quận... Cai Lậy...

Quyền số...01...

Giền giang



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Nguyễn Thị Minh Phương Nam hay nữ gái

Ngày, tháng, năm sinh Ngày hai mươi sáu, tháng một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi tư

Nơi sinh xã Đông Hưng Tân, huyện Hóc Môn thành phố Hồ Chí Minh

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt nam

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Nguyễn Thị Duyên	Nguyễn Minh Lê
Tuổi	sinh năm 1949	sinh năm 1943
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt nam	Việt nam
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Làm ruộng
Nơi thường trú	ấp chín, Long Tiên	ấp chín, Long Tiên

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Minh Lê, sinh năm 1943 ấp 9 xã Long Tiên huyện Cai Lậy Giền giang

Đăng ký ngày 12 tháng 06 năm 1978

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

xã Long Tiên huyện Cai Lậy Giền giang

Người đứng khai

Minh Lê

Nguyễn Minh Lê

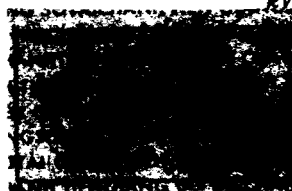
Nguyễn Quang

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 01 năm 1990

CHỦ TỊCH UBND

Ký tên, đóng dấu



Nguyễn Thị Minh Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường... Bình Đức

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số... 10

Huyện, Quận... Châu Thành

Quyển số... 01

Biên Giang



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)



Nguyễn Thị Duyên

Nam hay nữ... gái

Ngày, tháng, năm sinh... sau năm một ngàn chín trăm

lăm nghìn chín

Nơi sinh... xã Long Trung huyện Cai Lậy tỉnh Biên Giang

Dân tộc... Kinh Quốc tịch... Việt Nam

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Bảy</u>	<u>Nguyễn Văn Tỉnh</u>
Tuổi	<u>sinh năm 1916</u>	<u>sinh năm 1912</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Buôn bán</u>	<u>Buôn bán</u>
Nơi thường trú	<u>ấp chín xã Long Tiên huyện Cai Lậy tỉnh Biên Giang</u>	<u>ấp chín xã Long Tiên huyện Cai Lậy tỉnh Biên Giang</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Minh Lễ sinh năm 1943 ở xã Bình Đức
Châu Thành Biên Giang

Đăng ký ngày 12 tháng 01 năm 1990

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CT

Người đứng khai

Mulle

Nguyễn Minh Lễ

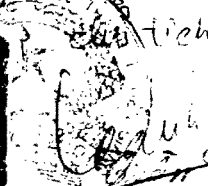
Nguyễn Văn Tỉnh

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 1 năm 1990

T/M UBND

Lưu tên, đóng dấu



Nguyễn Văn Tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường Long Tiễn

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....147.....

Huyện, Quận.....Cai Lậy.....

Quyển số.....01.....



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)



Nguyễn Minh Đức Nam hay nữ hai

Ngày, tháng, năm sinh ngày hai mươi sáu, tháng mười, năm một nghìn chín trăm bảy mươi một.

Nơi sinh xã Đông Hưng lân huyện Hố Môn tỉnh Phú Hồ chí Minh

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt nam

5/89 QĐ 261/QĐ - HT

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Duyên</u>	<u>Nguyễn Minh Lê</u>
Tuổi	<u>sinh năm 1949</u>	<u>sinh năm 1943</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt nam</u>	<u>Việt nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>ấp chín, Long Tiễn</u>	<u>ấp chín, Long Tiễn</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Minh Lê sinh năm 1943 ở ấp 9, xã Long Tiễn huyện Cai Lậy, Tiền Giang

Đăng ký ngày 12 tháng 06 năm 1978

Người đứng khai

Minh Lê
Nguyễn Minh Lê

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

xã Long Tiễn huyện Cai Lậy

Nguyễn Quang

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 01 năm 1990

T/M UBND

Ký tên, đóng dấu



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường.....Long Tiên.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....148

Huyện, Quận.....Cai Lậy.....

Quyền số.....01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

NGUYỄN - THỊ - MINH TIỀN

Nam hay nữ nữ

Ngày, tháng, năm sinh ngày mười một, tháng mười một, năm

một ngàn chín trăm bảy mươi sáu

Nơi sinh xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, Biên Giang

Dân tộc Xinh Quốc tịch Việt Nam

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Duyên</u>	<u>Nguyễn Minh Lễ</u>
Tuổi	<u>sinh năm 1949</u>	<u>sinh năm 1943</u>
Dân tộc	<u>Xinh</u>	<u>Xinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>ấp chín, Long Tiên</u>	<u>ấp chín, Long Tiên</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Minh Lễ, sinh năm 1943, ấp chín, xã Long Tiên
huyện Cai Lậy, Biên Giang.

Đăng ký ngày 23 tháng 05 năm 1980

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN xã Long Tiên

Người đứng khai

Minh Lễ

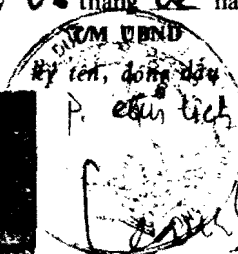
Nguyễn Minh Lễ

Nguyễn Quang

(Ký tên và đóng dấu)

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 06 tháng 02 năm 1990



Trần Văn...